

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 68/2022/HNGĐ-ST

Ngày 16/8/2022

Về việc “Tranh chấp ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Ái**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lê Thanh Liêm**

2. Bà **Võ Thị Ngọc The**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Huỳnh Thiên Ân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2022/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Đỗ Thị N** – sinh năm 2000 (Có mặt)

Địa chỉ: SN 02, Tổ 02, ấp 5B, xã A, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

*** Bị đơn:** Anh **Vũ Hoàng P** – sinh năm 1996 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Đỗ Thị N trình bày:**

Tôi và anh Vũ Hoàng P chung sống với nhau vào ngày 06 tháng 3 năm 2021, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Trước khi chung sống vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 1 năm mới tiến đến hôn nhân, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Vợ chồng chung sống được 2 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do sau khi cưới vợ chồng tôi sống ở bên gia đình chồng được một thời gian thì mẹ ruột tôi bệnh nên mẹ tôi kêu tôi về bên nhà để chăm sóc cho mẹ, chồng

tôi cũng về sống bên nhà mẹ ruột tôi và tìm công việc làm nhưng chồng tôi không có sức khỏe nên không làm việc được từ đó dẫn đến vợ chồng thường cự cãi nhau, không hiểu nhau, mâu thuẫn với nhau về mọi việc dẫn đến cuộc sống không có hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Vợ chồng không sống chung với nhau từ tháng 5 năm 2021 cho đến nay không ai liên lạc với ai.

- Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng không có con chung.
- Về tài sản chung: Vợ Chồng không có tài sản chung.
- Về phần nợ chung: Vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Tại phiên tòa chị N yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: chị N yêu cầu được ly hôn với anh Vũ Hoàng P
- Về con chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn anh Vũ Hoàng P, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh P vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng và cũng không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh Vũ Hoàng P với tư cách là bị đơn, tại phiên tòa anh P vắng mặt. Xét thấy anh P đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh P vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh P là hôn nhân hợp pháp, vì anh chị chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Kiên Giang, giấy chứng nhận kết hôn số 09/2021 ngày 25/01/2021 theo đúng quy định của pháp luật. Phù hợp với Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị N cho thấy anh chị chung sống với nhau được 2 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, chị N cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do sau khi cưới nhau, vợ chồng anh chị sống ở bên gia đình chồng được một thời gian thì mẹ ruột chị bệnh nên mẹ chị nói chị về để chăm sóc mẹ, anh P cũng về sống bên nhà mẹ ruột chị N và tìm công việc làm, nhưng anh P không có sức khỏe nên không làm việc được từ đó dẫn đến vợ chồng thường cự cãi nhau, không hiểu nhau, mâu thuẫn với nhau về mọi

việc dẫn đến cuộc sống không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau. Vợ chồng không sống chung với nhau từ tháng 5 năm 2021 cho đến nay không ai liên lạc với ai.

Sau khi thụ lý vụ án, tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh P không đến Tòa án để tham gia tố tụng, vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh P và anh P cũng không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

Tại phiên tòa chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “ *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau....*”. Xét thấy thực tế giữa chị N và anh P không có cuộc sống chung từ tháng 5 năm 2021 cho đến nay, trong thời gian anh chị sống ly thân thì không quan tâm đến nhau, không ai có ý muốn hàn gắn cuộc sống tình cảm vợ chồng, xét thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị N.

[4] Về con chung: chị N xác nhận chị và anh P không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị N xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí HNST: Buộc chị N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0006384 ngày 26/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ các Điều 9, 19, 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị N. Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị N và anh Vũ Hoàng P.

2. Về án phí HNST: Buộc chị Đỗ Thị N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0006384 ngày 26/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ngọc Ái

